

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **32/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-8-2022.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Xuân Tùng

- Ông Nguyễn Thanh Phong

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1992, địa chỉ: 2/2 ấp TB, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1987, địa chỉ: 2/2 ấp TB, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Phạm Thị Đ trình bày:

Vào năm 2009 chị Đ và anh U kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Thanh Phú, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/11/2019. Trong thời gian chung sống chị Đ và anh U có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 28/7/2010; hiện con chung đang sống chung với chị Đ. Chị Đ và anh U không tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có.

Lý do không còn sống chung: do quá trình chung sống chị Đ và anh U không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nhận thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên chị Đ yêu cầu xin ly hôn.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị Đ có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn U'.
 - Về con chung: chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 28/7/2010 và không yêu cầu anh U' cấp dưỡng nuôi con chung.
 - Về tài sản chung: chị Đ trình bày không có không yêu cầu giải quyết.
 - Về nợ chung: chị Đ trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.
- Ngày 28/6/2022 chị Đ có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Hiện nay chị Đ và anh U' đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; cả hai đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tạo điều kiện để chị Đ và anh U' hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh U' nhiều lần vắng mặt không có lý do nên có cơ sở xác định anh U' không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với chị Đ. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh U' mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn U' có đăng ký hộ khẩu tại 2/2 ấp TB, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Phạm Thị Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn U' đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh U' vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ, anh U'.

[4] Về hôn nhân: chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn U' kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/11/2019. Vì vậy quan hệ hôn nhân

của chị Đ và anh U' được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị Đ xin ly hôn với anh U' là do quá trình chung sống chị Đ và anh U' không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Xét thấy: Hiện nay chị Đ và anh U' không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án đã tạo điều kiện để chị Đ và anh U' hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh U' vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị Đ và anh U' đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[5] Về con chung: chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn U' có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 28/7/2010; khi ly hôn chị Đ yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy hiện nay con chung Thu H có nguyện vọng sống chung với chị Đ. Lễ đó cần giao con chung Nguyễn Thị Thu H cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị Đ không yêu cầu anh U' cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn U' có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn U' có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Phạm Thị Đ có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị Đ không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: chị Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: chị Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Phạm Thị Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Đ. Chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn U'. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị Đ không có yêu cầu.

2. Về con chung: chị Phạm Thị Đ được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 28/7/2010. Do chị Phạm Thị Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Ư có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn Ư có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Phạm Thị Đ có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị Phạm Thị Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Phạm Thị Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007314 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tư

